

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN GDQP-AN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 05 tuần 11**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	LT1	LT2	ĐL	BS	RL	ĐIỂM QT	THI KTHP	ĐIỂM MÔN HỌC	GHI CHÚ
1	2122120051	Lý Quỳnh Anh	04/02/2004	CCQ2212B	7.8	7	7	5	7.5	6.7	7.6	7.2	
2	2122120057	Nguyễn Thị Trâm Anh	05/08/2004	CCQ2212B	6.3	7.5	8	9	8.5	8.1	7.6	7.8	
3	2122120027	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/11/2004	CCQ2212A	7.0	6.5	7	5	7.5	6.5	8.2	7.5	
4	2122120012	Lê Nhật Trúc Ân	20/10/2004	CCQ2212A	5.8	7	7	5	7.5	6.4	7.6	7.1	
5	2122120046	Lê Thị Hồng Cúc	13/12/2004	CCQ2212B	4.5	7	7	5.3	7.5	6.3	7	6.7	
6	2122120049	Đàm Ngọc Diệp	29/08/2004	CCQ2212B	6.0	7.5	7	5	7.5	6.5	7	6.8	
7	2122120010	Đoàn Thị Thanh Dung	21/10/2004	CCQ2212A						0.0	0.0	0.0	KHÔNG HỌC
8	2122120024	Tạ Thị Mỹ Duyên	11/10/2003	CCQ2212A	8.0	6.5	8	9.3	8.5	8.3	7.6	7.9	
9	2122120037	Nguyễn Ngọc Tâm Đoan	19/12/2003	CCQ2212A	5.8	6.5	7	9.7	7.5	7.7	6.8	7.1	
10	2122120019	Hà Thị Mỹ Hạnh	03/06/2001	CCQ2212A	5.8	6.5	7	8	7.5	7.2	6.6	6.8	
11	2122120065	Trần Thị Như Hào	08/03/2004	CCQ2212B	6.5	7	7	5	7.5	6.5	7.8	7.3	
12	2122120005	Nguyễn Thị Ngọc Hân	24/07/2003	CCQ2212A	6.8	6.5	7.5	6.3	7.5	6.9	7.4	7.2	
13	2122120048	Nguyễn Thị Hồng	17/09/2004	CCQ2212B	6.3	6.5	7	6	7.5	6.7	8.2	7.6	
14	2122120007	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	28/05/2003	CCQ2212A	5.8	7	7	5	7.5	6.4	6.4	6.4	
15	2122120063	Phan Thị Mỹ Huệ	02/08/2004	CCQ2212B	6.3	7	8	10	9.5	8.6	7.8	8.1	
16	2122120015	Nguyễn Anh Huy	11/06/2002	CCQ2212A						0.0	0.0	0.0	KHÔNG HỌC
17	2122120039	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/02/2004	CCQ2212B	7.0	6.5	8	9	9	8.2	7.4	7.7	
18	2122120023	Phạm Việt Khang	12/05/2002	CCQ2212A	7.3	6.5	7	8	5	6.7	7.8	7.4	
19	2122120006	Trần Quốc Khánh	10/09/1998	CCQ2212A						0.0	0.0	0.0	KHÔNG HỌC
20	2122120054	Võ Văn Khâm	03/03/2004	CCQ2212B	6.0	6.5	7	7.7	9	7.6	7	7.2	
21	2122120055	Nguyễn Tấn Kiệt	16/01/2002	CCQ2212B	6.3	7	7.5	8.7	8	7.7	7.4	7.5	
22	2122120068	Lưu Thị Trúc Lê	09/06/2004	CCQ2212B	5.0	6.5	8	8	7.5	7.2	7	7.1	
23	2120100220	Nguyễn Thị Kiều Linh	21/06/2002	CCQ2024G	7.5	7.5	7	8	7.5	7.6	7	7.2	
24	2122120001	Nguyễn Thành Lộc	15/09/2003	CCQ2212A	4.5	6.5	7	8	8	7.1	7	7.1	
25	2122120018	Nguyễn Thị Cẩm Ly	29/01/2004	CCQ2212A	4.8	7	7	5.3	7.5	6.3	8	7.3	

26	2122120031	Hoàng Đình	Mẫn	22/06/2001	CCQ2212A	7.0	7	8	8.7	7.5	7.8	7.8	7.8	
27	2122120479	Nguyễn Thị Trà	My	27/10/2004	CCQ2212B	5.5	7	7	5	7.5	6.4	5.8	6.0	
28	2122120030	Trần Thị Kiều	My	29/02/2004	CCQ2212A	4.3	7	7.5	5	7.5	6.3	7.2	6.8	
29	2122120013	Võ Thị Diễm	My	16/07/2004	CCQ2212A	6.0	6.5	7	8	8	7.4	8.2	7.9	
30	2122120034	Châm Lý	Na	18/11/2003	CCQ2212A	5.0	7.5	7	5	8	6.5	8	7.4	
31	2122120026	Châu Thị Quỳnh	Nga	13/02/2004	CCQ2212A	6.3	7	6.5	5	7.5	6.4	8.2	7.5	
32	2122120041	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	22/12/2004	CCQ2212B	6.0	7	6.5	8.7	8	7.6	6.4	6.9	
33	2122120032	Trần Thị Thủy	Nga	14/02/2004	CCQ2212A	5.5	7	7	5	8	6.5	7	6.8	
34	2122120011	Hoàng Thị Cẩm	Ngân	09/12/2003	CCQ2212A	5.8	7	7	5	8	6.5	8.2	7.5	
35	2122120022	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/11/2004	CCQ2212A	6.8	7	8.5	9.7	9	8.5	8	8.2	
36	2122120066	Trần Thị Bích	Ngân	28/07/2004	CCQ2212B	5.5	7	7	5	7.5	6.4	8	7.3	
37	2122120070	Trần Nguyễn Bảo	Nghi	13/09/2004	CCQ2212B	6.3	6.5	7	8.7	7.5	7.5	6	6.6	
38	2122120478	Võ Nguyễn Bảo	Ngọc	12/10/2004	CCQ2212A	6.3	7	8	8	9.5	8.0	7.4	7.7	
39	2122120050	Nguyễn Thị	Nhàn	14/10/2004	CCQ2212B	6.5	7	7	5	7.5	6.5	8	7.4	
40	2122120035	Nguyễn Ánh	Nhi	01/04/2004	CCQ2212A	6.0	7	7	5	8	6.6	8	7.4	
41	2122120058	Đặng Quỳnh	Như	21/01/2004	CCQ2212B	4.3	6.5	7	7.7	7.5	6.9	8.2	7.7	
42	2122120056	Lê Thị Thùy	Như	17/08/2004	CCQ2212B	4.8	7	7	5	7.5	6.3	8.4	7.5	
43	2122120052	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/10/2004	CCQ2212B	5.0	6	7.5	5	7.5	6.2	6.6	6.4	
44	2122120061	Đinh Nguyễn Yến	Ni	13/04/2004	CCQ2212B	4.5	6.5	8	5	7.5	6.3	7.4	7.0	
45	2122120064	Đoàn Thị Kim	Oanh	06/05/2004	CCQ2212B	6.8	7.5	8	6.3	9.5	7.7	7.4	7.5	
46	2122120009	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	24/07/2003	CCQ2212A	8.0	6	7	5	7.5	6.6	8.8	7.9	
47	2122120014	Nguyễn Phú	Quốc	26/01/2004	CCQ2212A	5.8	7	8	9	9.5	8.3	7.2	7.6	
48	2122120047	Huỳnh Thị Như	Quý	22/10/2004	CCQ2212B	7.0	6	7	7.7	7.5	7.2	6.8	7.0	
49	2122120003	Võ Ngọc Phú	Quý	15/01/1998	CCQ2212A	5.8	6.5	7.5	8.7	7.5	7.5	7.8	7.7	
50	2122120004	Ngô Kim	Quyên	13/05/2000	CCQ2212A	8.0	6.5	7.5	5.3	7.5	6.8	7.4	7.2	
51	2122120067	Hồ Thị Như	Quỳnh	11/06/2004	CCQ2212B	4.8	7	7	5	7.5	6.3	8.2	7.4	
52	2122120017	Võ Như	Quỳnh	06/09/2003	CCQ2212A	6.0	7	7	8.7	8	7.6	7.2	7.4	
53	2122120060	Hoàng Thị	Thu	16/04/2004	CCQ2212B	9.5	7	6.5	7.7	9	8.1	9.2	8.7	
54	2122120033	Đỗ Quang	Thuận	12/02/2004	CCQ2212A	6.8	7	7	9.3	7.5	7.8	7.8	7.8	
55	2122120062	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	06/11/2004	CCQ2212B	7.8	7	7	9.3	7.5	7.9	8.6	8.3	
56	2122120040	Huỳnh Thị Diễm	Thúy	01/03/2004	CCQ2212B	6.0	7	7	9	9	8.0	6.8	7.3	
57	2122120045	Lê Thị Lan	Thương	02/01/2004	CCQ2212B	5.0	7	7	5	7.5	6.3	8.2	7.4	
58	2122120029	Nguyễn Thị Hoài	Thương	04/05/1999	CCQ2212A	7.8	7	7	8.7	7.5	7.7	7.2	7.4	
59	2122120480	Nguyễn Thị Huyền	Thương	17/03/2004	CCQ2212B	7.8	7.5	8	9.7	10	9.0	7.4	8.0	
60	2122120069	Nguyễn Kim Ngọc	Trang	11/01/2004	CCQ2212B	6.3	7	7	5	7.5	6.5	8	7.4	
61	2122120025	Nguyễn Thị Kim	Trang	21/09/2004	CCQ2212A						0.0	0.0	0.0	KHÔNG HỌC

62	2122120042	Nguyễn Thị Thùy Trang	06/05/2004	CCQ2212B	6.3	6.5	7.5	5	7.5	6.5	6.8	6.7	
63	2122120059	Đặng Thị Ngọc Trâm	13/10/2003	CCQ2212B	5.0	7	7	9	7.5	7.4	7.8	7.7	
64	2122120038	Trần Thị Quế Trâm	11/06/2004	CCQ2212B	6.8	6.5	7	5.3	7.5	6.6	6.8	6.7	
65	2122120043	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	07/11/2003	CCQ2212B	6.0	7	7	9	7.5	7.6	6.2	6.7	
66	2122120053	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/06/2004	CCQ2212B	7.3	6	8	10	7.5	8.0	7.4	7.7	
67	2122120008	Dương Quốc Tú	13/04/2002	CCQ2212A	6.0	7	7	5	7.5	6.4	7.6	7.1	
68	2122120044	Cao Thị Mỹ Uyên	03/01/2003	CCQ2212B						0.0	0.0	0.0	KHÔNG HỌC
69	2122120020	Phạm Ngọc Tú Văn	11/04/2004	CCQ2212A	6.0	7	7.5	8	9	7.8	7.4	7.6	
70	2122120021	Nguyễn Thị Kiều Vy	04/04/2004	CCQ2212A	6.3	7	7	5	7.5	6.5	6.8	6.7	
71	2122120016	Nguyễn Ngọc Như Ý	25/08/2004	CCQ2212A	5.8	6.5	6.5	7	7.5	6.8	8.4	7.8	

TPHCM , ngày 22
tháng 11 năm 2022